

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG

Số: 01/2022/TTK-TT

Gói thầu số 01: Mua sắm bộ máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy photocopy và máy in.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc quy định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tư vấn, dịch vụ quản lý tài chính và tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 15/03/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành danh mục mua sắm tập trung;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm tài sản theo phương thức tập trung năm 2022;

Căn cứ Báo cáo Thâm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Mua sắm bộ máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy photocopy và máy in, số 284/BC-HHC ngày 03/11/2022 của Công ty Cổ phần quản lý và truyền thông HHC;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-TT ngày 03/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Tư vấn, dịch vụ quản lý tài chính và tài sản công về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Mua sắm bộ máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy photocopy và máy in.

Hôm nay, ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Trung tâm Tư vấn, dịch vụ quản lý tài chính và tài sản công hai bên, gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung (Bên A): Trung tâm Tư vấn, dịch vụ quản lý tài chính và tài sản công.

Đại diện : Ông Trương Quang Chiến Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Số 04 đường Lý Thái Tổ, phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại : 02223 870 890
Mã số thuế : 2300243656
Tài khoản số : 3713.0.1066326.00000 tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Ninh.

II. Nhà thầu cung cấp tài sản (Bên B):

Nhà thầu liên danh QS- Full house: Công ty TNHH Thương mại và phát triển công nghệ QS Việt Nam – Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Full house Việt Nam

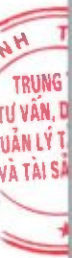
**THÀNH VIÊN : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN
LIÊN DANH CÔNG NGHỆ QS VIỆT NAM**
Đại diện : Ông Nguyễn Hữu Đạo Chức vụ: Giám đốc
Đăng ký kinh doanh : 0107244922 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 10/12/2015, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/12/2015 ;
Địa chỉ : Đội 9, thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
Điện thoại : 0243. 2247360
Mã số thuế : 0107244922
Số tài khoản : 01111 9868 3333 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Mỹ Đình
Mã ngân hàng : 01311014

**THÀNH VIÊN : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
LIÊN DANH FULL HOUSE VIỆT NAM**
Đại diện : Ông Đỗ Trường Thọ Chức vụ: Giám đốc
Đăng ký kinh doanh : 0104570244 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 05/4/2010, thay đổi lần thứ 6 ngày 25/12/2020;
Địa chỉ : 21 Nguyễn Huy Trướng, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 0243.5558343
Mã số thuế : 0104570244
Số tài khoản : 119601881888 tại Ngân hàng TPCM Công thương Việt Nam – CN Hoàng Mai.

Hai bên thống nhất ký Thỏa thuận khung mua sắm tập trung Gói thầu số 01: Mua sắm bộ máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy photocopy và máy in (gọi tắt là TTK) với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

1. Chủng loại tài sản: Tên, thông số kỹ thuật, xuất xứ tài sản (Chi tiết tại phụ lục 01).
2. Số lượng hàng hóa (Chi tiết tại phụ lục 01).
3. Thời gian cung cấp bàn giao tài sản: Thực hiện theo Hợp đồng mua sắm tài sản giữa các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản với nhà thầu trúng thầu.



cung cấp tài sản (Bên B), trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày TTK có hiệu lực.

4. Phạm vi cung cấp, địa điểm bàn giao tài sản: Bàn giao, lắp đặt tài sản tại các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (*Chi tiết tại phụ lục 02*).

5. Khối lượng công việc của từng thành viên liên danh: (*Chi tiết tại phụ lục 02*).

Điều 2. Giá bán tài sản.

Giá bán tài sản tương ứng với từng chủng loại tài sản quy định tại Điều 1 nêu trên đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, bảo trì (*Chi tiết tại phụ lục 01*).

Điều 3. Thanh toán, thanh lý Hợp đồng mua sắm tài sản và TTK.

1. Hợp đồng mua sắm tài sản:

- Các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản căn cứ TTK trực tiếp ký hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu trúng thầu cung cấp tài sản (Bên B) theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (*theo mẫu hợp đồng tại Phụ lục 03 đính kèm*).

- Thời hạn ký hợp đồng mua sắm: Tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày TTK có hiệu lực (hoặc 15 ngày làm việc đối với Phụ lục điều chỉnh TTK).

- Các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản thực hiện tiếp nhận tài sản, nghiệm thu thanh lý, thanh toán theo Hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với Bên B, quy định tại Điều 79, Điều 80, Điều 81 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thanh toán:

- Các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản thanh toán toàn bộ giá trị của hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với nhà thầu trúng thầu cung cấp tài sản (Bên B) trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán, Biên bản nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng đã được hai bên ký kết.

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

- Thông tin về tài khoản thanh toán của Bên B:

+ Thành viên liên danh thứ nhất: **Công ty TNHH Thương mại và phát triển công nghệ QS Việt Nam**. Tài khoản 01111 9868 3333 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Mỹ Đình, Hà Nội

+ Thành viên liên danh thứ hai: **Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Full House Việt Nam**. Tài khoản 119601881888 tại Ngân hàng TPCM Công thương Việt Nam, CN Hoàng Mai, Hà Nội.

9

(Đây là tài khoản duy nhất và không hủy ngang trong suốt quá trình thực hiện Thỏa thuận khung)

3. Thanh lý Thỏa thuận khung:

TTK được thanh lý khi Bên A và Bên B đã hoàn thành các cam kết, Bên B chuyển sang nghĩa vụ thực hiện bảo hành, bảo trì tài sản theo quy định. Thời hạn thanh lý TTK tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày TTK có hiệu lực.

Điều 4. Điều chỉnh khối lượng tài sản trong TTK.

1. Việc điều chỉnh khối lượng tài sản cung cấp trong TTK chỉ áp dụng trong thời hạn TTK còn hiệu lực, trên nguyên tắc:

- Bên A có quyền điều chỉnh tăng hoặc giảm khối lượng tài sản thuộc phạm vi cung cấp tối đa không quá 20% giá trị của gói thầu.

- Trường hợp tổng giá trị gói thầu sau điều chỉnh không vượt quá 20% giá trị toàn bộ gói thầu được duyệt: Hai bên thống nhất khối lượng điều chỉnh và ký bổ sung Phụ lục điều chỉnh TTK để triển khai thực hiện.

- Trường hợp tổng giá trị gói thầu sau điều chỉnh vượt quá 20% giá trị toàn bộ gói thầu được duyệt thì Bên A thương thảo, thống nhất với Bên B phần khối lượng và giá trị điều chỉnh; báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Bên B gây ra không nằm trong phạm vi điều chỉnh.

Việc nghiệm thu, thanh lý TTK đối với khối lượng điều chỉnh được thực hiện theo thực tế phát sinh và đảm bảo tổng giá trị không vượt quá 20% giá trị gói thầu.

Điều 5. Bảo lãnh, bảo hành, bảo trì, đào tạo hướng dẫn sử dụng.

1. Bảo lãnh bảo hành: Bên B có nghĩa vụ nộp cho Bên A bảo lãnh bảo hành tài sản bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam bằng 3% giá trị thực hiện Thỏa thuận khung tương đương phân trách nhiệm thực hiện của từng thành viên liên danh, sau khi Bên B và các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng.

Hết thời hạn bảo hành, Bên B sẽ được nhận lại bảo lãnh. Trường hợp Bên B không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận thì Bên A được hưởng số tiền bảo lãnh theo quy định.

2. Thời hạn bảo hành, bảo trì: (Chi tiết tại phụ lục 01) kể từ thời điểm ký biên bản nghiệm thu, bàn giao tài sản được ký giữa Bên B với các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản; Bên B có trách nhiệm cung cấp hoặc thanh toán các dịch vụ bảo hành, bảo trì bao gồm việc khắc phục sự cố tài sản do lỗi của nhà sản xuất trong thời gian bảo hành.

- Khi có sự cố, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản liên lạc bằng văn bản (Fax) hoặc qua điện thoại với nhà thầu cung cấp tài sản mô tả hiện tượng của sự cố để

được hướng dẫn cách xử lý. Bên B cam kết sẽ có mặt tại địa điểm của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để tiến hành sửa chữa chậm nhất là 48 giờ. Nếu không sửa chữa được thì phải khắc phục, thay thế bằng thiết bị hoặc linh kiện khác có tính năng tương đương, chất lượng bằng hoặc cao hơn trước mà không được yêu cầu thanh toán.

- Trường hợp quá thời hạn cam kết có mặt tại địa điểm của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để sửa chữa, khắc phục sự cố mà Bên B vẫn vắng mặt hoặc Bên B không sửa chữa, khắc phục được sự cố trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo có sự cố, các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có quyền đưa ra phương án giải quyết. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa, khắc phục giải quyết sự cố do Bên B chi trả. Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở chứng từ thực tế phát sinh được các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản gửi đến Bên B để thanh toán.

3. Hướng dẫn sử dụng: Bên B có trách nhiệm cung cấp cho các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản đầy đủ các tài liệu chỉ dẫn về hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng, bảo trì tài sản và đào tạo hướng dẫn sử dụng.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện thỏa thuận khung.

1. Số tiền bảo đảm thực hiện TTK: Bên B có nghĩa vụ nộp cho Bên A một khoản tiền bảo lãnh thực hiện Thỏa thuận khung bằng 3% giá trị Thỏa thuận khung, tương ứng với số tiền là: **613.480.200 đồng** (Bằng chữ: Sáu trăm mười ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, hai trăm đồng./.) trong vòng 05 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực.

Chi tiết cụ thể như sau:

- Thành viên liên danh thứ nhất: Công ty TNHH Thương mại và phát triển công nghệ QS Việt Nam sẽ nộp bảo lãnh thực hiện Thỏa thuận khung là 37%, tương ứng với số tiền là: 224.871.900 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi tư triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, chín trăm đồng);

- Thành viên liên danh thứ hai: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Full House Việt Nam sẽ nộp bảo lãnh thực hiện Thỏa thuận khung là 63%, tương ứng với số tiền là: 388.608.300 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm linh tám nghìn, ba trăm đồng);

2. Hình thức bảo đảm: Bằng thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

3. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện TTK: Kể từ ngày TTK có hiệu lực cho đến khi hai bên ký biên bản nghiệm thu thanh lý, nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo cam kết và ngược lại.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan.

1. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị mua sắm tập trung (Bên A)

- Ký TTK với nhà thầu cung cấp tài sản (Bên B).
- Đăng tải thông tin nhà thầu trúng thầu cung cấp tài sản theo quy định.
- Thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, đơn vị đầu mối đã đăng ký mua sắm tài sản theo phương thức tập trung năm 2022.
- Được thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ khác của bên mời thầu theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản (Bên B):

- Cung cấp đầy đủ tài sản hàng hóa theo Điều 1, Điều 2 của TTK này.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến tài sản hàng hóa cung cấp.
- Thực hiện cung cấp tài sản và các giấy tờ liên quan cho các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản theo phân chia phần công việc tại Thỏa thuận liên danh của Bên B; bảo hành, bảo trì tài sản theo quy định của nhà sản xuất và các cam kết khác.

- Có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện TTK vào ngày 15 hàng tháng trong thời gian thực hiện TTK cho bên A.

- Cung cấp 01 bộ hồ sơ đầy đủ của Hợp đồng mua sắm tài sản ký với các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản cho bên A.

- Được thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ khác của nhà thầu trúng thầu theo quy định của pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Trực tiếp ký hợp đồng mua sắm tài sản với Nhà thầu cung cấp tài sản (Bên B) theo mẫu quy định đính kèm TTK.

- Kiểm tra, thử nghiệm tài sản được cung cấp để khẳng định tài sản đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Tiếp nhận tài sản theo hợp đồng mua sắm tài sản đã ký kết với Bên B.

- Ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao tiếp nhận tài sản, thanh lý Hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B theo quy định.

- Thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 2, Điều 3 của TTK này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Được thực hiện chế độ bảo hành, bảo trì hướng dẫn sử dụng tài sản theo quy định tại Điều 5 của TTK này.

- Theo dõi tài sản trên sổ sách kế toán, quản lý, sử dụng theo quy định.

Điều 8. Bất khả kháng.

9

1. Trong TTK, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch...

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia kèm theo giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp có thẩm quyền tại địa phương nơi xảy ra sự việc cấp. Trong khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ TTK của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép để thực hiện các phần công việc khác còn lại không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

3. Một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt TTK theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra không thể đàm phán, thương lượng, hòa giải được thì tranh chấp đó sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 9 dưới đây.

Điều 9. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp.

1. Luật áp dụng đối với TTK là pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nếu trong quá trình thực hiện TTK, phát sinh những khó khăn vướng mắc thì hai bên chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đôi bên cùng có lợi. Mọi phát sinh đó phải được thể hiện bằng phụ lục TTK. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp nếu không giải quyết được thông qua thương lượng, hòa giải, hai bên sẽ đưa ra Tòa án Nhân dân tỉnh Bắc Ninh để giải quyết. Phán quyết của Tòa là quyết định cuối cùng bắt buộc thi hành đối với cả hai bên, án phí do bên vi phạm chịu.

Điều 10. Xử phạt do vi phạm Thỏa thuận khung.

Nếu nhà thầu cung cấp tài sản (Bên B) không đảm bảo được tiến độ, thời gian cung cấp tài sản theo quy định tại Điều 1 của TTK này sẽ phải nộp tiền phạt 1% tổng giá trị tài sản cho mỗi tuần giao chậm nhưng số tiền không vượt quá 8% tổng giá trị tài sản. Số tiền nộp phạt trả cho Bên A được trích từ đảm bảo thực hiện TTK.

Điều 11. Điều khoản thi hành.

Thoả thuận khung có hiệu lực tối đa là 90 ngày kể từ ngày Thoả thuận khung có hiệu lực và được thanh lý khi hai bên đã hoàn thành các cam kết nêu trên.

Thoả thuận khung này gồm 08 trang, 11 Điều, 03 Phụ lục kèm theo (chưa kể các phụ lục khác phát sinh trong quá trình thực hiện), làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký Hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu trúng thầu cung cấp tài sản (Bên B) theo quy định.

Thoả thuận khung đã được các bên nhất trí thông qua, có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 (sáu) bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

**TRUNG TÂM TƯ VẤN DỊCH VỤ
QLTC & TSC
GIÁM ĐỐC**



Trương Quang Chiến

ĐẠI DIỆN BÊN B

NHÀ THẦU LIÊN DANH

**CÔNG TY TNHH
TM&PTCN QS VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Đạo

**CÔNG TY CPĐT&PT
FULL HOUSE VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC**



Đỗ Trường Thọ



PHỤ LỤC 01

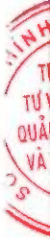
Tên, thông số kỹ thuật, số lượng, xuất xứ tài sản cung cấp

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 01/2022/TTK-TT ngày 04/11/2022)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Máy vi tính để bàn					
1	Cấu hình A – Máy vi tính để bàn FPT Elead QSI5	Bộ	499	Việt Nam	14.850.000	7.410.150.000
	Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i5-12400 Bộ nhớ đệm 18M, tốc độ 2.5GHz, lên đến 4,40 GHz, 6 lõi, 12 luồng					
	Bộ nhớ đệm: 18Mb Smartcache					
	Bộ nhớ RAM: 8GB DDR4 bus 2666					
	Sẵn sàng 6 khe RAM					
	Ổ cứng: SSD 256GB					
	Bo mạch chủ: FPT ELEAD sử dụng H610 Express Chipset Intel®					
	Giao diện trên bo mạch: Chipset Intel H610 Express LGA1700 S/p Intel Core i7 + i5 + i3, 6 x DIMM DDR4 3200/3000/2933/2800/2666MHz support Intel(R) XMP, VGA & Sound 08 Channel & Intel®LANGUARD Gigabit onboard, 3 x PCIe 4.0/3.0 x16 slot, 1 x PCI slot, 1 x Parallel connector, 1 x D-Sub Port, 1 x DVI-D port, 1 xHDMI port, 1 x Display port, 2 x COM (1 x COM port at back panel, 1 x COM connector), 12 USB (4 x USB 3.1 port(s) (2 at back panel (included 1 Type C), 8 x USB 2.0 (6 at midboard, 2 x USB 2.0 port at rear panel), 1 x M.2 2280, 2260, 2242 (both SATA & x2 PCIE mode); 4 x SATA 6.0 Gb/s Ports, 1 x SPDIF out connector, 1 x Chassis intrusion header, 1 x TPM header. integrated CSM_Coporate Stable Modelsoftware					
	Cạc màn hình: Bộ vi xử lý Đồ họa Tích hợp - Hỗ trợ Intel® HD Graphics					
	Cạc âm thanh: Integrated High Definition Audio (7.1-channel)					

	Lưu trữ: 4 x Serial ATA 6.0 Gb/s connectors (gray)					
	Tính năng trên bo mạch chủ:					
	· Giám sát nhiệt độ hệ thống, quạt, điện áp và trạng thái phần cứng					
	· Quản lý từ xa: Quản lý màn hình từ xa, điều khiển nguồn điện, thiết lập và cập nhật BIOS					
	· Quản lý Tài sản: Phân phối phần mềm và quản lý siêu dữ liệu thiết bị					
	· Kiểm soát Thiết bị Di động: Luôn kiểm soát thông qua thiết bị di động					
	· Bảo mật: Kích hoạt/vô hiệu hóa cổng USB					
	· Khôi phục nhanh hệ thống bằng 1 nút nhấn.					
	Màn hình: Màn hình 21.5" FPT Elead LED					
	Kích thước: 21.5", Độ phân giải: 1920 x 1080 (Full HD). Thời gian đáp ứng: 2ms. Tỷ lệ tương phản động (DCR): 180.000.000:1. Góc nhìn: 170°/160°. Số màu hiển thị: 16.7M. Tỷ lệ khung hình: 16:9 Wide, cổng kết nối: 1xVGA+1xHDMI. Sử dụng công nghệ A/LBL (Chống lại ánh sáng xanh có hại cho mắt)					
	Giao tiếp mạng: Tích hợp Realtek GbE LAN chip (10/100/1000 Mbit), với tính năng LANGuard, chống sét lan truyền và sốc điện Card wifi chuẩn 802.11 b/g/n					
	Chuột: FPT ELEAD 2-button Mouse Optical					
	Vỏ máy và nguồn: ELEAD m-ATX Tower case (nguồn 450w) dung tích nhỏ 10.7 lít					
	Bàn phím: Bàn phím FPT Elead chuẩn USB					
	Hệ điều hành: PC DOS					
	Tính chất đồng bộ: Bo mạch, màn hình, chuột, bàn phím cùng thương hiệu FPT					
	Bảo hành: 24 tháng					
2	Cấu hình B – Máy vi tính để bàn SingPC i5102.9A5802S0	Bộ	214	Việt Nam	12.820.000	2.743.480.000
	Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i5-10400 Processor					

	2.9 GHz (up to 4.3 GHz), 12MB Cache, 6 Core 12 Thread, Socket FCLGA1200 (Comet Lake)					
	Bo mạch chủ: Intel® H510 Chipset					
	Intel® Socket LGA1200 for 11th Gen Intel® Core™ processors & 10th Gen Intel® Core™, Pentium® Gold and Celeron® Processors*					
	Bộ nhớ mở rộng: 2xDIMM,Max.64GB,DDR4 3200(OC)/2933/2800/2666/2400/2133 MHz Non-ECC					
	Khe cắm mở rộng: 1 x PCIe 4.0/3.0 x16 (x16 mode), 1 x PCIe 3.0 x1					
	Giao tiếp kết nối (I/O ports):					
	Cổng kết nối phía sau: 2 x USB 3.2, 2 x USB 2.0, 1 x PS/2 Keyboard, 1 x PS/2 Mouse, 1 x D-Sub, 1 x DVI-D, 1 x HDMI					
	1 x LAN (RJ45), 3 x Audio jack					
	Cổng kết nối bên trong: 4 x SATA 6Gb/s, 1 x USB 3.2, 2 x USB 2.0, 1 x COM, 1 x TPM, 1 x LPT, 1x Clear CMOS					
	Bộ nhớ trong (Ram): 8GB DDR4 Bus 2666Mhz					
	Ổ cứng: SSD 256GB					
	Cạc màn hình (Onboard): Intel® UHD Graphics 630					
	Giao tiếp mạng: 1 x Realtek 1Gb Ethernet					
	Kết nối không dây: Wireless LAN 802.11 b/n/g					
	Cạc âm thanh (Onboard): Realtek ALC897 7.1 Surround Sound High Definition Audio CODEC*					
	Vỏ máy & Nguồn: Case SingPC - ATX550W , 1 nút bật tắt/đầu cắm đèn LED ở mặt trước, 1 đầu cắm âm thanh ở mặt trước, 1 x USB 3.0, 2 x USB 2.0.					
	Bàn phím & Chuột: Keyboard - Optical Mouse SingPC (đồng bộ thương hiệu với máy tính)					
	Màn hình: SingPC 21.5" VA LED - công nghệ Less Blue Light					



	Kích cỡ màn hình: 21.5"(Rộng: 49.3cm x Cao: 28.3cm x Dày: 3.6cm). Loại màn: VA (góc nhìn rộng hơn, màu sắc chân thực hơn), Anti-glare (chống chói, chống mỏi mắt). Độ sáng: 250 cd/m ² . Tỷ lệ tương phản: 200.000.000:1 (DCR). Thời gian đáp ứng: 5ms. Góc nhìn: R/L 178(Typ.), U/D 178(Typ.). Độ phân giải: 1920*1080@75Hz. Hỗ trợ màu: 16.7M. Tích hợp loa: công suất 6W(2x3W). Cổng kết nối: VGA, HDMI, audio out. Nguồn điện: Input AC 100-240V, Output 12V=2.5A, công suất tiêu thụ 30W, công suất (chế độ chờ) ≤0.5W (đồng bộ với thương hiệu máy tính).					
	Bảo hành: 24 tháng					
3	Cấu hình C – Máy vi tính để bàn SingPC i3103.6A5802S0	Bộ	84	Việt Nam	10.800.000	907.200.000
	Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3-10100 Processor 3.6 GHz (up to 4.3 GHz), 6MB Cache, 4 Core 8 Thread, Socket FCLGA1200 (Comet Lake)					
	Bộ mạch chủ: Intel® H510 Chipset					
	Intel® Socket LGA1200 for 11th Gen Intel® Core™ processors & 10th Gen Intel® Core™, Pentium® Gold and Celeron® Processors*					
	Bộ nhớ mở rộng: 2 x DIMM, Max. 64GB, DDR4 3200(OC)/2933/2800/2666/2400/2133 MHz Non-ECC"					
	Khe cắm mở rộng: 1 x PCIe 4.0/3.0 x16 (x16 mode), 1 x PCIe 3.0 x1					
	Giao tiếp kết nối (I/O ports)					
	Cổng kết nối phía sau: 2 x USB 3.2, 2 x USB 2.0, 1 x PS/2 Keyboard, 1 x PS/2 Mouse, 1 x D-Sub, 1 x DVI-D, 1 x HDMI					
	1 x LAN (RJ45), 3 x Audio jack.					
	Cổng kết nối bên trong: 4 x SATA 6Gb/s, 1 x USB 3.2, 2 x USB 2.0, 1 x COM, 1 x TPM, 1 x LPT, 1x Clear CMOS					
	Bộ nhớ trong (Ram): 8GB DDR4 Bus 2666Mhz					
	Ổ cứng: SSD 256GB					
	Cạc màn hình (Onboard): Intel® UHD Graphics 630					

	Giao tiếp mạng: 1 x Realtek 1Gb Ethernet					
	Kết nối không dây: Wireless LAN 802.11 b/n/g					
	Các âm thanh (Onboard): Realtek ALC897 7.1 Surround Sound High Definition Audio CODEC*					
	Vỏ máy & Nguồn: Case SingPC - ATX550W, 1 nút bật tắt/đầu cắm đèn LED ở mặt trước, 1 đầu cắm âm thanh ở mặt trước, 1 x USB 3.0, 2xUSB 2.0. Kích thước: Dài 30cm x Rộng 19cm x Cao 38.1cm. Kiểu dáng: có tay xách.					
	Bàn phím & Chuột: Keyboard - Optical Mouse SingPC (đồng bộ thương hiệu với máy tính)					
	Màn hình: <i>SingPC 21.5" VA LED - công nghệ Less Blue Light</i>					
	Kích cỡ màn hình: 21.5"(Rộng: 49.3cm x Cao: 28.3cm x Dày: 3.6cm). Loại màn: VA (góc nhìn rộng hơn, màu sắc chân thực hơn), Anti-glare (chống chói, chống mỏi mắt). Độ sáng: 250 cd/m ² . Tỷ lệ tương phản: 200.000.000:1 (DCR). Thời gian đáp ứng: 5ms. Góc nhìn: R/L 178(Typ.), U/D 178(Typ.). Độ phân giải: 1920*1080@75Hz. Hỗ trợ màu: 16.7M. Tích hợp loa: công suất 6W(2x3W). Cổng kết nối: VGA, HDMI, audio out. Nguồn điện: Input AC 100-240V, Output 12V=2.5A, công suất tiêu thụ 30W, công suất (chế độ chờ) ≤0.5W (đồng bộ với thương hiệu máy tính)					
	Bảo hành: 24 tháng					
II	Máy vi tính xách tay					
1	Cấu hình A – Máy tính xách tay Asus P1412CEA-EK0750	Chiếc	205	Trung Quốc	14.950.000	3.064.750.000
	Màn hình 14.0-inch/ Ultra Slim 220 nits					
	Độ phân giải Full HD (1920 x 1080) 16:9 Anti-glare display /NTSC 45%					
	Vi xử lý: Intel® Core™ i5-1135G7 Processor 2.4 GHz (8M Cache, up to 4.2 GHz, 4 cores)					
	Hệ điều hành: Tương thích và hỗ trợ Windows10					

UNG
AN,
LÝ
CÁI S

9

Bộ nhớ RAM 8GB DDR4, tích hợp 1 khe RAM DDR4 có khả năng nâng cấp RAM lên đến 24GB (Tùy chọn ram)					
Cổng kết nối:					
1 x USB3.2 Gen 1 Type-A					
1 x USB 3.2 Gen 1 Type-C					
2 x USB 2.0 Type-A					
1 x HDMI 1.4					
1 x 3.5mm Combo Audio Jack					
Ổ cứng: 256GB M.2 NVMe™ PCIe® 3.0 SSD					
Support Microsoft Cortana with Voice					
Các đồ họa Intel® UHD Graphics					
Card âm thanh: Integrated High Definition Audio					
Webcam 720p HD camera					
Kết nối mạng: LAN 10/100/1000 MBps (thông qua Adapter chuyển đổi đi kèm); Wi-Fi 6 (802.11ax) (Dual band) 2*2 + BT5.2					
Cảm biến vân tay fingerprint					
Bàn phím: 348mm keyboard with 19mm full size key pitch, integrated Numeric keypad, Chiclet Keyboard					
Sạc: ø4.0; 45W AC Adapter Output: 19V DC, 2.37A, 45W , Input: 100~240V AC, 50/60Hz universal					
Pin: 37WHrs, 2S1P, 2 cell Li-ion					
Bảo mật:					
BIOS Booting User Password Protection					
Trusted Platform Module (Firmware TPM)					
Kensington Security Slot™					
Tính năng bảo mật: GiftBox, Smart Gesture, Splendid, ICESound, Charger+, Business Manager, Live Update					
Khả năng bảo mật từ BIOS.					
Khôi phục hệ điều hành khi bị lỗi					
Chức năng khóa cổng USB qua BIOS.					
Chức năng quản trị thông minh (sao lưu và khôi phục dữ liệu, khóa cổng USB, khóa thay đổi thiết lập hệ thống, xóa file vĩnh viễn, tạo logo boot tùy chỉnh)					

	Chức năng hỗ trợ thông minh (tùy chỉnh tình trạng phần cứng, kiểm tra tình trạng thiết bị, đề xuất sửa lỗi thông minh, cập nhật hệ thống tự động, kết nối với điện thoại)					
	Chức năng khởi động: hỗ trợ người sử dụng để khởi động lại hệ thống bằng cách chọn thiết bị khởi động từ menu khởi động thuận tiện (HDD, DVD ROM, or USB).					
	Phụ kiện: túi, chuột quang không dây và Adapter chuyển đổi USB – A to RJ45 gigabit ethernet.					
	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO/IEC 27001:2013, ISO 45001:2018, Chứng chỉ IECQ					
	Bảo hành: 24 tháng					
2	Cấu hình B – Máy tính xách tay Asus P1412CEA-EK0751	Chiếc	19	Trung Quốc	12.850.000	244.150.000
	Màn hình 14.0-inch/ Ultra Slim 220 nits					
	Độ phân giải Full HD (1920 x 1080) 16:9 Anti-glare display /NTSC 45%					
	Vi xử lý: Intel® Core™ i3-1115G4 Processor 3.0 GHz (6M Cache, up to 4.1 GHz, 2 cores)					
	Hệ điều hành: Tương thích và hỗ trợ Windows10					
	Bộ nhớ RAM 8GB DDR4, tích hợp 1 khe RAM DDR4 có khả năng nâng cấp RAM lên đến 24GB (Tùy chọn ram)					
	Cổng kết nối:					
	1 x USB3.2 Gen 1 Type-A					
	1 x USB 3.2 Gen 1 Type-C					
	2 x USB 2.0 Type-A					
	1 x HDMI 1.4					
	1 x 3.5mm Combo Audio Jack					
	Ổ cứng: 512GB M.2 NVMe™ PCIe® 3.0 SSD					
	Support Microsoft Cortana with Voice					
	Cạc đồ họa Intel® UHD Graphics					
	Card âm thanh: Integrated High Definition Audio					
	Webcam 720p HD camera					

	Kết nối mạng: LAN 10/100/1000 MBps (thông qua Adapter chuyển đổi đi kèm); Wi-Fi 6 (802.11ax) (Dual band) 2*2 + BT5.2					
	Cảm biến vân tay fingerprint					
	Bàn phím: 348mm keyboard with 19mm full size key pitch, integrated Numeric keypad, Chiclet Keyboard					
	Sạc: ø4.0; 45W AC Adapter Output: 19V DC, 2.37A, 45W , Input: 100~240V AC, 50/60Hz universal					
	Pin: 37WHrs, 2S1P, 2 cell Li-ion					
	Bảo mật:					
	BIOS Booting User Password Protection					
	Trusted Platform Module (Firmware TPM)					
	Kensington Security Slot™					
	Tính năng bảo mật: GiftBox, Smart Gesture, Splendid, ICESound, Charger+, Business Manager, Live Update					
	Khả năng bảo mật từ BIOS.					
	Khôi phục hệ điều hành khi bị lỗi					
	Chức năng khóa cổng USB qua BIOS.					
	Chức năng quản trị thông minh (sao lưu và khôi phục dữ liệu, khóa cổng USB, khóa thay đổi thiết lập hệ thống, xóa file vĩnh viễn, tạo logo boot tùy chỉnh)					
	Chức năng hỗ trợ thông minh (tùy chỉnh tình trạng phần cứng, kiểm tra tình trạng thiết bị, đề xuất sửa lỗi thông minh, cập nhật hệ thống tự động, kết nối với điện thoại)					
	Chức năng khởi động: hỗ trợ người sử dụng để khởi động lại hệ thống bằng cách chọn thiết bị khởi động từ menu khởi động thuận tiện (HDD, DVD ROM, or USB).					
	Phụ kiện: túi, chuột quang không dây và Adapter chuyển đổi USB – A to RJ45 gigabit ethernet.					
	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO/IEC 27001:2013, ISO 45001:2018, Chứng chỉ IECQ					
	Bảo hành: 24 tháng					
3	Cấu hình C – Máy tính xách tay Asus P1412CEA-EK0749	Chiếc	9	Trung Quốc	10.900.000	98.100.000

Màn hình 14.0-inch/ Ultra Slim 220 nits					
Độ phân giải Full HD (1920 x 1080) 16:9 Anti-glare display /NTSC 45%					
Vi xử lý Intel® Core™ i3-1115G4 Processor 3.0 GHz (6M Cache, up to 4.1 GHz, 2 cores)					
Hệ điều hành: Tương thích và hỗ trợ Windows10					
Bộ nhớ RAM 8GB DDR4, tích hợp 1 khe RAM DDR4 có khả năng nâng cấp RAM lên đến 24GB (Tùy chọn ram)					
Cổng kết nối:					
1 x USB3.2 Gen 1 Type-A					
1 x USB 3.2 Gen 1 Type-C					
2 x USB 2.0 Type-A					
1 x HDMI 1.4					
1 x 3.5mm Combo Audio Jack					
Ổ cứng: 256GB M.2 NVMe™ PCIe® 3.0 SSD					
Support Microsoft Cortana with Voice					
Cạc đồ họa Intel® UHD Graphics					
Card âm thanh: Integrated High Definition Audio					
Webcam 720p HD camera					
Kết nối mạng: LAN 10/100/1000 MBps (thông qua Adapter chuyển đổi đi kèm); Wi-Fi 6 (802.11ax) (Dual band) 2*2 + BT5.2					
Cảm biến vân tay fingerprint					
Bàn phím: 348mm keyboard with 19mm full size key pitch, integrated Numeric keypad, Chiclet Keyboard					
Sạc: ø4.0; 45W AC Adapter Output: 19V DC, 2.37A, 45W , Input: 100~240V AC, 50/60Hz universal					
Pin: 37WHrs, 2S1P, 2 cell Li-ion					
Bảo mật:					
BIOS Booting User Password Protection					
Trusted Platform Module (Firmware TPM)					
Kensington Security Slot™					
Tính năng bảo mật: GiftBox, Smart Gesture, Splendid, ICESound, Charger+, Business Manager, Live Update					

IN
 AM
 CH V
 CHIN
 CÔNG

	Khả năng bảo mật từ BIOS.					
	Khôi phục hệ điều hành khi bị lỗi					
	Chức năng khóa cổng USB qua BIOS.					
	Chức năng quản trị thông minh (sao lưu và khôi phục dữ liệu, khóa cổng USB, khóa thay đổi thiết lập hệ thống, xóa file vĩnh viễn, tạo logo boot tùy chỉnh)					
	Chức năng hỗ trợ thông minh (tùy chỉnh tình trạng phần cứng, kiểm tra tình trạng thiết bị, đề xuất sửa lỗi thông minh, cập nhật hệ thống tự động, kết nối với điện thoại)					
	Chức năng khởi động: hỗ trợ người sử dụng để khởi động lại hệ thống bằng cách chọn thiết bị khởi động từ menu khởi động thuận tiện (HDD, DVD ROM, or USB).					
	Phụ kiện: túi, chuột quang không dây và Adapter chuyển đổi USB – A to RJ45 gigabit ethernet.					
	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO/IEC 27001:2013, ISO 45001:2018, Chứng chỉ IECQ					
	Bảo hành: 24 tháng					
III	Máy in					
1	Cấu hình A – Máy in đa năng Brother MFC-B7715DW	Chiếc	244	Việt Nam	9.500.000	2.318.000.000
	Máy in đen trắng, đảo mặt tự động, đa năng					
	Tính năng: Scan, sao chép và in 2 mặt tự động với khả năng kết nối không dây (in/sao chụp/quét). In di động: Apple air print , Google cloud print, Mopria, iPrint & Scan					
	Tính năng Scan:					
	Tốc độ scan (đơn sắc/màu): 22.5 / 7.5 ipm					
	Độ phân giải scan: Quang học - 1,200 x 1,200 dpi; Nội suy 19,200 x 19,200 dpi					
	Tính năng scan to: SharePoint (Chỉ khả dụng trên CC4), hình ảnh, OCR, tệp tin, email, FTP					
	Tính năng Copy:					
	Tốc Độ Copy (A4/Letter): Lên đến 34/36 cpm (bản sao trên phút);					
	Phóng to thu nhỏ: 25% - 400% in 1% increments;					

	Tính Năng Copy N trong 1: N in 1					
	Độ phân giải: 600x600dpi					
	Tốc độ in (A4/Letter): 34/36 trang/phút					
	Tốc Độ Bộ Xử Lý: 600MHz					
	Loại giấy: A4, Letter, A5, A5(Long Edge), A6, Executive, Legal, Folio, Mexico Legal, India Legal					
	Màn hình hiển thị: 16 characters x 1 line					
	Độ phân giải: Lên đến 1200 x 1200 dpi					
	Thời gian in trang đầu: Dưới 8,5 giây					
	Hỗ trợ định lượng giấy: 60 đến 230g/m ² (Sử Dụng Khe Nạp Giấy Thủ Công)					
	Cartridge mực: 2.600 trang (Độ phủ 5% trên trang giấy)					
	Khay giấy ra: 120 tờ					
	Khay chứa giấy vào tự động ADF: 50 tờ					
	Khay nạp giấy: 250 tờ					
	Khay đa năng: 1 tờ					
	Bộ nhớ: 128MB					
	Giải Pháp Di Động: AirPrint (Print & Scan), Mopria (Print), Google Cloud Print, Brother iPrint&Scan					
	Giao diện: Hi-Speed 2.0, 10Base-T/100Base-TX, IEEE 802.11b/g/n (Infrastructure Mode), IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct)					
	Hệ điều hành hỗ trợ: Windows® XP Home Edition, XP Professional Edition, XP Professional x64 Edition, Windows® Vista, Windows® 7, Windows® Server 2003 , Windows® Server 2003 x64 Edition, Windows® XP Professional (32 & 64 bit editions), Windows® 2000 Professional (SP4), Windows® 8. OsX, Linux					
	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015					
	Bảo hành: 24 tháng					
2	Cấu hình B – Máy in Laser Ricoh P 310	Chiếc	173	Trung Quốc	7.810.000	1.351.130.000
	Đặc điểm tính năng, cấu hình chính: Máy in A4 đơn năng đen trắng, đảo mặt tự động					

Bộ xử lý: ARM11 (P : 500MHz)					
Bộ nhớ : 128MB - ROM 16 MB					
Giao diện: Phím bấm, LCD					
Kết nối: USB 2.0, Ethernet 10 base-T100 base-TX, Wi-Fi Direct, NFC					
Giao thức mạng: TCP/IP (IPv4, IPv6), IPP					
Khay chứa giấy vào tiêu chuẩn:					
Số lượng 250 tờ (80g/m ²)					
Trọng lượng giấy : 52-162 g/m ²					
Có thể tùy chọn thêm khay 250 trang"					
Khay tay: Số lượng 50 tờ (80g/m ²)					
Trọng lượng giấy : 52-162g/m ²					
Khay đa năng in được bìa dày					
Khay chứa giấy ra: 150 tờ					
Hệ điều hành tương thích: Win 7/8/8.1/10, server 2003/server 2008/server 2012 (32bit/64bit), Mac OS X v10.11,					
Linux (Ubuntu,Open SUSE & Red Hat Enterprise)"					
Mức in:					
Cartridge loại -3500 trang					
Cartridge loại lớn-7000 trang					
Cartridge theo máy-1000 trang					
(Theo tiêu chuẩn phủ mực 5%)					
In:					
Công suất in khuyến nghị 700 - 5.800 trang / tháng					
Tốc độ in 1 mặt: 32 trang/phút (A4) - 34 trang/phút (Letter)					
Tốc độ in 2 mặt: 14 trang/phút					
Độ phân giải: 1,200 x 1,200 dpi, 1,200 x 600 dpi, 600 x 600 dpi,					
Công suất: Max 35,000 trang/tháng					
Vòng đời sản phẩm: 5 năm hoặc 350.000 trang					
Thời gian in trang đầu: <= 7.1 giây					
Thời gian khởi động: <= 26 giây					
Ngôn ngữ in: PCL5e, PCL6, PostScript3					

	Chức năng in không dây: AirPrint, Google Cloud Print, Mopria					
	Chức năng quản lý: @Remote					
	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015					
	Bảo hành: 24 tháng					
3	Cấu hình C – Máy in đơn sắc Ricoh SP 230DNw	Chiếc	136	Việt Nam	5.680.000	772.480.000
	Máy in Laser đơn sắc, A4/letter, in đảo mặt tự động					
	Tính năng: In đảo mặt					
	Tốc độ in: 30 trang/ phút (A4) - 32 trang/ phút (Letter)					
	Tốc độ bộ xử lý: 600MHz					
	Loại giấy: A4, Letter, A5, A5 (Long Edge), A6, Executive, Legal, Folio, Mexico Legal, India Legal					
	Bộ nhớ: 128MB					
	"Độ phân giải: 600 x 600 dpi (Mặc định), 300 x 300 dpi, 600 x 600 dpi, 1200 x 1200 dpi, 2400 x 600 dpi"					
	Hộp mực lên đến 3.000 trang (thay thế)					
	Chức năng: In mạng không dây và có dây Giao diện: Hi-Speed 2.0, 10Base-T/100Base-TX, IEEE 802.11b/g/n (Infrastructure Mode), IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct)					
	Khay giấy tiêu chuẩn: 250 tờ					
	Khay giấy ra: 150 tờ					
	Hệ điều hành hỗ trợ: Win XP/7/8/8.1/10, server 2003/server 2008/server 2012 (32bit/64bit), Mac OS X, Linux					
	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015					
	Bảo hành: 24 tháng					
IV	Máy photocopy					
1	Cấu hình A - Máy photocopy Ricoh IM3000	Chiếc	4	Trung Quốc	87.900.000	351.600.000
	Tính năng chính: Photo + In + Scan (Mạng)					
	Tốc độ sao chụp: 30 bản/ phút					
	Thời gian làm nóng: 17.7 giây					
	Thời gian in bản đầu tiên: 3.9 giây					

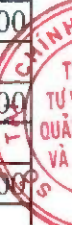
Bộ nhớ tiêu chuẩn: 02 GB + 320 GB HDD					
Kích thước (W x D x H): 587 x 673 x 788 mm					
CPU: Intel® Atom Processor ApolloLake-I 1.36GHz					
Sao chụp liên tục: 999 bản					
Độ phân giải: 600 x 600 dpi, 1200x1200 dpi					
Phóng to - thu nhỏ: Từ 25% đến 400% tăng giảm từng 1% Công nghệ: Tia laser đơn và sao chụp tĩnh điện					
Ngôn ngữ in: PCL5e, PCL6, PDF Direct print, PS3					
Giao diện kết nối: USB Host I/F, Ethernet 10 base-T/100 base-TX, Ethernet 1000 Base-T					
Giao thức mạng: TCP/IP (IP v4, IP v6)					
Hệ điều hành Window hỗ trợ: Windows® Vista 7/8/8.1/10, Windows® Server 2003, Windows® Server 2003R2, Windows® Server 2008, Windows® Server 2008R2, Windows® Server 2012, Windows® Server 2012R2 Windows® Server 2016 Windows® Server 2019					
Hệ điều hành Mac hỗ trợ: Macintosh OS X v10.7 hoặc mới hơn					
Hệ điều hành UNIX hỗ trợ: UNIX Sun® Solaris, HP-UX, SCO OpenServer, Red Hat Linux, IBM AIX, IBM iSeries/AS/400-using OS/400 Host Print Transform					
Hỗ trợ SAP® R/3®: SAP® R/3®					
Chức năng quét: Tốc độ quét màu: 80 trang 1 mặt/phút.					
Độ phân giải quét: 600, 1200 dpi (TWAIN)					
Scan trực tiếp: Tới Email, thư mục					
Phương pháp quét: CMOS					
Khổ bản gốc : A6-A3					
Quét gửi mail: Tối đa 100 nhóm (500 địa chỉ trong 1 nhóm) Định dạng tập tin quét: TIFF, JPEG, PDF, Encrypt PDF, High compression PDF, PDF-A					
Khay giấy : Có sẵn: 02 khay x 550 tờ, khay tay: 100 tờ Định lượng giấy: khay tay, 52-300 g/m, khay gầm 52-256 g/m2,					
Nguồn điện: 220-240V, 50/60 Hz					
Chế độ chờ: 56.4 W					

	Chế độ nghỉ: 0.54 W					
	Chỉ số TEC (Typical Electricity Consumption: 1.1 kW/h Chia bộ điện tử: Có sẵn 999 bộ					
	Tự động xoay ảnh: 90o					
	Phụ kiện đi kèm:					
	* Hộp mực in					
	* Bộ nạp và đảo bản gốc					
	* Chân kê thép					
	Bảo hành: 24 tháng hoặc 100.000 bản chụp tùy theo điều kiện nào đến trước.					
2	Cấu hình B - Máy photocopy Ricoh IM2702	Chiếc	9	Trung Quốc	71.700.000	645.300.000
	Phương thức in: Quét và tạo ảnh bằng tia laser đơn					
	Khổ giấy sao chụp A6-A3					
	Tốc độ sao chụp: 27 bản/ phút					
	Sao chụp liên tục: 999 bản					
	Thời gian khởi động: 27 giây					
	Tốc độ chụp bản đầu tiên: 6.5 giây					
	Mức phóng to/ Thu nhỏ 25 -400 %					
	Khay giấy vào tiêu chuẩn 1 khay x 500 tờ					
	Khay giấy tay: 100 tờ					
	Khay chứa bản sao tiêu chuẩn: 250 tờ					
	Độ phân giải: 600 x 600 dpi					
	Màn hình điều khiển: Smart LCD cảm ứng màu 7inch					
	Dung lượng bộ nhớ chuẩn: 2GB					
	Tính năng chia bộ tài liệu : Có sẵn					
	Bộ nạp và đảo bản gốc: Có sẵn					
	Tính năng đảo mặt bản sao : Có sẵn					
	Nguồn điện : 220 240 V, 50/60 Hz					
	Công suất tiêu thụ điện: Tối đa 1550W/h					
	Cổng kết nối: USB 2.0;100BASE -TX -10 BASE -T					
	Giao thức mạng: TCP/IP (IP v4 , IP v6)					
	Chức năng in: Tốc độ 27 bản /phút					
	Ngôn ngữ in: PCL5e, PCL6					

	Chức năng quét: Tốc độ quét ảnh 50 bản/phút;					
	Định dạng tập tin quét ảnh: TIFF/JPEG/PDF/PDF-A/High Compression PDF					
	Quét ảnh với điều khiển từ máy tính: Có					
	Quét ảnh vào thư mục với điều khiển từ máy quét: SMB, FTP, NCP*					
	Quét ảnh gửi Email trực tiếp từ máy quét: Sending E-mail: SMTP, POP, IMAP4					
	Bảo hành: 24 tháng hoặc 80.000 bản chụp tùy theo điều kiện nào đến trước.					
3	Cấu hình C - Máy photocopy Ricoh M2701	Chiếc	10	Trung Quốc	54.300.000	543.000.000
	Phương thức in: Quét và tạo ảnh bằng tia laser đơn					
	Khổ giấy sao chụp A6-A3					
	Tốc độ sao chụp: 27 bản/ phút					
	Sao chụp liên tục: 999 bản					
	Mức phóng to/ Thu nhỏ 25 -400 %					
	Khay giấy vào tiêu chuẩn 1 khay x 500 tờ					
	Khay giấy tay: 100 tờ					
	Khay chứa bản sao tiêu chuẩn: 250 tờ					
	Màn hình điều khiển: 4-Line LCD					
	Độ phân giải: 600 x 600 dpi					
	Dung lượng bộ nhớ chuẩn: 512MB					
	Tính năng chia bộ tài liệu : Có sẵn					
	Bộ nạp và đảo bản gốc: Có sẵn					
	Tính năng đảo mặt bản sao : Có sẵn					
	Nguồn điện : 220 240 V, 50/60 Hz					
	Công suất tiêu thụ điện: Tối đa 1550W/h					
	Cổng kết nối: USB 2.0; 100BASE-TX -10 BASE - T					
	Giao thức mạng: TCP/IP (IP v4 , IP v6)					
	Chức năng in: Tốc độ 27 bản /phút					
	Ngôn ngữ in: GDI					
	Chức năng quét: Tốc độ quét ảnh trắng đen 18 bản /phút, màu 6 bản/ phút					

**PHỤ LỤC 02****Phạm vi cung cấp, địa điểm bàn giao tài sản****(Kèm theo Thỏa thuận khung số 01/2022/TTK-TT ngày 04/11/2022)**

STT	Tên đơn vị/hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Phần công việc do Công ty TNHH TM&PTCN QS Việt Nam thực hiện				7.495.730.000
I	Huyện Quế Võ				
1	Trường Tiểu học Đức Long				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	4	14.850.000	59.400.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
2	UBND xã Quế Tân				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	1	12.820.000	12.820.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	2	5.680.000	11.360.000
3	Trường TH Đại Xuân				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	4	10.800.000	43.200.000
4	Trường Tiểu học Quế Tân				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	2	14.950.000	29.900.000
5	Trường Tiểu học Việt Hùng 2				
	Máy tính xách tay cấu hình B	Chiếc	1	12.850.000	12.850.000
6	Trường Tiểu học Việt Thống				
	Máy tính xách tay cấu hình B	Chiếc	1	12.850.000	12.850.000
7	Hội người cao tuổi				
	Máy tính xách tay cấu hình C	Chiếc	1	10.900.000	10.900.000
8	Trường Tiểu học Đào Viên				
	Máy in cấu hình C	Chiếc	1	5.680.000	5.680.000
9	Phòng Nội vụ				
	Máy in cấu hình B	Chiếc	2	7.810.000	15.620.000
II	Thành phố Bắc Ninh				
1	UBND phường Khúc Xuyên				
	Máy photocopy cấu hình C	Chiếc	1	54.300.000	54.300.000
2	UBND phường Suối Hoa				
	Máy photocopy cấu hình C	Chiếc	1	54.300.000	54.300.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	3	14.850.000	44.550.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	2	12.820.000	25.640.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	2	7.810.000	15.620.000
3	Đội Quản lý trật tự đô thị				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	1	7.810.000	7.810.000
4	Văn phòng HĐND-UBND				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình B	Chiếc	2	12.850.000	25.700.000
5	Hội người cao tuổi				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
6	UBND phường Phong Khê				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	3	14.850.000	44.550.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	3	5.680.000	17.040.000



7	UBND Phường Võ Cường				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
8	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	1	12.820.000	12.820.000
9	UBND phường Kim châu				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	1	12.820.000	12.820.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	2	5.680.000	11.360.000
10	UBND phường Kinh Bắc				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	2	12.820.000	25.640.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	2	7.810.000	15.620.000
11	Trung tâm chính trị				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	2	10.800.000	21.600.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	6	14.950.000	89.700.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	2	5.680.000	11.360.000
12	Trung tâm văn hóa thể thao				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	2	10.800.000	21.600.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	1	5.680.000	5.680.000
13	UBND phường Nam Sơn				
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
III	Huyện Tiên Du				
1	Mầm non Phú Lâm 1				
	Máy photocopy cấu hình C	Chiếc	1	54.300.000	54.300.000
2	Mầm non Phú Lâm 2				
	Máy photocopy cấu hình C	Chiếc	1	54.300.000	54.300.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	3	14.950.000	44.850.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	1	5.680.000	5.680.000
3	THCS Tân Chi				
	Máy photocopy cấu hình C	Chiếc	1	54.300.000	54.300.000
4	Tiểu học Tân Chi				
	Máy photocopy cấu hình C	Chiếc	1	54.300.000	54.300.000
5	Mầm non Phú Lâm 3				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
6	Mầm non Lạc Vệ 2				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	2	5.680.000	11.360.000
7	UBND Thị trấn Lim				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	6	10.800.000	64.800.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	2	5.680.000	11.360.000
8	UBND Cảnh Hưng				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	4	10.800.000	43.200.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	4	5.680.000	22.720.000
9	Tiểu học Phật Tích				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	2	14.950.000	29.900.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
10	Tiểu học Tri Phương				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	4	14.950.000	59.800.000
11	THCS Lim				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	2	14.950.000	29.900.000

12	THCS Việt Đoàn				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	3	14.950.000	44.850.000
13	Mầm non Hoàn Sơn 1				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
14	Mầm non Đại Đồng 1				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	2	14.950.000	29.900.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	1	5.680.000	5.680.000
15	Mầm non Phật Tích				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
16	Mầm non Đại Đồng 2				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	1	7.810.000	7.810.000
17	Tiểu học Minh Đạo				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	5	14.950.000	74.750.000
18	THCS Nội Duệ				
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
19	Mầm non Minh Đạo				
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	1	5.680.000	5.680.000
20	Mầm non Cảnh Hưng				
	Máy in cấu hình B	Chiếc	2	7.810.000	15.620.000
21	Mầm non Tân Chi				
	Máy in cấu hình C	Chiếc	2	5.680.000	11.360.000
IV	Huyện Yên Phong				
1	UBND xã Văn Môn				
	Máy photocopy cấu hình C	Chiếc	1	54.300.000	54.300.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	3	10.800.000	32.400.000
	Máy tính xách tay cấu hình B	Chiếc	1	12.850.000	12.850.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	3	7.810.000	23.430.000
2	Trường Mầm Non Thị trấn Chờ số 2				
	Máy photocopy cấu hình C	Chiếc	1	54.300.000	54.300.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	4	14.850.000	59.400.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	1	7.810.000	7.810.000
3	UBND xã Yên Phụ				
	Máy photocopy cấu hình C	Chiếc	1	54.300.000	54.300.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	2	12.820.000	25.640.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	2	7.810.000	15.620.000
4	Phòng Giáo dục & đào tạo huyện				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	3	14.950.000	44.850.000
5	Ban QL các DAXD huyện				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	5	14.850.000	74.250.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	4	14.950.000	59.800.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	3	5.680.000	17.040.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	10	12.820.000	128.200.000
6	Mầm non Đông Tiến				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	5	14.850.000	74.250.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
7	Tiểu học Thụy Hòa				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình C	Chiếc	2	10.900.000	21.800.000
8	Mầm non Yên Trung				

	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	3	14.850.000	44.550.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	2	14.950.000	29.900.000
9	Mầm non Trung Nghĩa				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	5	14.850.000	74.250.000
10	UBND xã Đông Thọ				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	5	14.850.000	74.250.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	5	9.500.000	47.500.000
11	UBND xã Yên Trung				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	3	14.850.000	44.550.000
12	Trung tâm GDNN - GDTX huyện				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	15	14.850.000	222.750.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	3	14.950.000	44.850.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	5	7.810.000	39.050.000
13	UBND xã Đông Phong				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	4	14.850.000	59.400.000
14	UBND Thị Trấn Chờ				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
15	UBND xã Tam Giang				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
16	THCS Hòa Tiến				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	4	12.820.000	51.280.000
	Máy tính xách tay cấu hình B	Chiếc	2	12.850.000	25.700.000
17	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	3	12.820.000	38.460.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	3	7.810.000	23.430.000
18	Mầm non Đông Thọ				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	20	12.820.000	256.400.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	3	7.810.000	23.430.000
19	Tiểu học Đông Thọ				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	2	12.820.000	25.640.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	2	7.810.000	15.620.000
20	THCS Đông Phong				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	5	12.820.000	64.100.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	3	14.950.000	44.850.000
21	Phòng Nông nghiệp & PTNT				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	1	12.820.000	12.820.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	1	7.810.000	7.810.000
22	UBND xã Đông Tiến				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	3	10.800.000	32.400.000
23	THCS Yên Trung				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	2	14.950.000	29.900.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	1	7.810.000	7.810.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	1	5.680.000	5.680.000
24	Tiểu học Tam Đa số 1				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
25	Thanh tra huyện				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000

	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
26	THCS Yên Phong				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	7	14.950.000	104.650.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	5	9.500.000	47.500.000
27	UBND xã Đông Tiến				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy tính xách tay cấu hình C	Chiếc	1	10.900.000	10.900.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	5	5.680.000	28.400.000
28	Tiểu học Thị trấn Chờ số 2				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	4	14.950.000	59.800.000
29	Trường Tiểu học Tam Giang				
	Máy tính xách tay cấu hình B	Chiếc	1	12.850.000	12.850.000
30	Tiểu học Thị trấn Chờ số 1				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
31	Văn phòng Huyện ủy				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	2	7.810.000	15.620.000
32	Tiểu học Hoà Tiến				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	3	12.820.000	38.460.000
33	Trường THCS Thụy Hòa				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	4	12.820.000	51.280.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	2	14.950.000	29.900.000
34	Trường Mầm non Hoà Tiến				-
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	6	12.820.000	76.920.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	2	7.810.000	15.620.000
35	Trường Mầm non Liên Cơ				-
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	3	12.820.000	38.460.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	1	5.680.000	5.680.000
36	Trường Mầm non Long Châu				-
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	3	12.820.000	38.460.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	1	7.810.000	7.810.000
37	Trường Mầm non Yên Phụ				-
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	4	12.820.000	51.280.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
38	Hội Cựu chiến binh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	1	12.820.000	12.820.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	1	5.680.000	5.680.000
V	Huyện Thuận Thành				
1	Văn phòng HU-UBND huyện				
	Máy photocopy cấu hình B	Chiếc	1	71.700.000	71.700.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
2	Phòng Tư pháp				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
3	Phòng LĐTBXH				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	2	14.950.000	29.900.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
4	Phòng TCKH				

T
G T
DỊCH
TÀI CH
AN CỎ

	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	4	14.950.000	59.800.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	6	9.500.000	57.000.000
VI	TP Từ Sơn				-
1	Trường Tiểu học Đồng Kỳ 2				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	1	5.680.000	5.680.000
2	Trường Tiểu học Phù Khê				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	2	7.810.000	15.620.000
3	Trường Tiểu học Tam Sơn 1				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	1	12.820.000	12.820.000
	Máy tính xách tay cấu hình B	Chiếc	2	12.850.000	25.700.000
4	Trường Mầm non Hương Mạc 2				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	1	10.800.000	10.800.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	1	5.680.000	5.680.000
5	Trường Mầm non Đình Bảng 1				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
6	Trường Mầm non Tương Giang 1				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
7	Trường Mầm non Đông Ngàn 2				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
8	Trường Mầm non Đồng Kỳ 2				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
9	Trường Tiểu học Tương Giang				
	Máy tính xách tay cấu hình C	Chiếc	2	10.900.000	21.800.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	1	7.810.000	7.810.000
10	Trường Mầm non Đồng Kỳ 1				
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
VII	Huyện Gia Bình				
1	Phòng Tài chính - Kế hoạch				
	Máy photocopy cấu hình B	Chiếc	1	71.700.000	71.700.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	3	14.850.000	44.550.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	1	5.680.000	5.680.000
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
	Máy photocopy cấu hình B	Chiếc	1	71.700.000	71.700.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
3	Trung tâm GDNN-GDTX				
	Máy photocopy cấu hình B	Chiếc	1	71.700.000	71.700.000
4	Văn phòng HĐND & UBND				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	3	14.850.000	44.550.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
5	Phòng Nông Nghiệp & PTNT				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
6	Phòng Kinh tế và Hạ tầng				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000

7	Phòng y tế (Bao gồm cả Hội Chữ thập đỏ)				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
8	Phòng Văn hoá và Thông tin				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
10	Phòng Nội vụ				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
11	Thanh tra huyện				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
12	Văn phòng Huyện ủy				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	5	14.850.000	74.250.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	3	14.950.000	44.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	4	9.500.000	38.000.000
13	Ủy ban mặt trận Tổ quốc				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
14	Huyện đoàn				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
15	Hội Liên hiệp phụ nữ				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
16	Hội Nông dân				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
17	Hội Cựu chiến binh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
18	Hội người mù				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
19	Trung tâm chính trị				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
20	Đài phát thanh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	3	14.850.000	44.550.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	3	9.500.000	28.500.000
21	Liên đoàn lao động huyện				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
22	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
23	Trung tâm Văn hoá - Thể thao				

	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
24	Phòng Tư pháp				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
25	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
26	Trung tâm Hành chính công				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
VIII	Sở Thông tin và Truyền thông				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	5	14.850.000	74.250.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	3	5.680.000	17.040.000
IX	Tỉnh ủy Bắc Ninh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	6	14.850.000	89.100.000
X	Văn phòng Tỉnh ủy				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	3	14.950.000	44.850.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	13	9.500.000	123.500.000
XI	Sở Văn hóa thể thao và du lịch				
1	Trung tâm văn hóa tỉnh				
	Máy photocopy cấu hình B	Chiếc	1	71.700.000	71.700.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	5	14.850.000	74.250.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
2	Bảo tàng tỉnh				
	Máy photocopy cấu hình B	Chiếc	1	71.700.000	71.700.000
3	Văn phòng Sở				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	5	12.820.000	64.100.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	3	7.810.000	23.430.000
4	Trung tâm đào tạo bóng chuyền				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	5	10.800.000	54.000.000
5	Ban quản lý di tích				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	2	10.800.000	21.600.000
6	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	3	10.800.000	32.400.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
7	Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật và du lịch				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
B	Phần công việc do Công ty CP ĐT&PT Full House Việt Nam thực hiện				12.953.610.000
I	Sở Giáo dục và Đào tạo				
1	Trường THPT Thuận Thành số 2				
	Máy photocopy cấu hình C	Chiếc	1	54.300.000	54.300.000
2	Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	11	14.850.000	163.350.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	10	9.500.000	95.000.000
3	Văn phòng Sở				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	10	14.850.000	148.500.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	6	9.500.000	57.000.000
4	Trung tâm GDNN - GDTX				

	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
5	Trường THPT Hoàng Quốc Việt				
	Máy in cấu hình B	Chiếc	2	7.810.000	15.620.000
6	Trường THPT Hàn Thuyên				
	Máy in cấu hình C	Chiếc	2	5.680.000	11.360.000
7	Trường THPT Lý Nhân Tông				
	Máy in cấu hình C	Chiếc	2	5.680.000	11.360.000
II	Sở y tế				
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật				
	Máy photocopy cấu hình A	Chiếc	1	87.900.000	87.900.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	26	14.850.000	386.100.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	10	14.950.000	149.500.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	5	7.810.000	39.050.000
2	Trung tâm y tế huyện Yên Phong				
	Máy photocopy cấu hình A	Chiếc	1	87.900.000	87.900.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	21	14.850.000	311.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	17	14.950.000	254.150.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	4	9.500.000	38.000.000
3	BV đa khoa tỉnh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	128	14.850.000	1.900.800.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	26	14.950.000	388.700.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	101	9.500.000	959.500.000
4	BV Mắt				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	4	14.850.000	59.400.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	4	5.680.000	22.720.000
5	BV Da liễu				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	4	14.850.000	59.400.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
6	TTYT huyện Gia Bình				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	35	14.850.000	519.750.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	50	7.810.000	390.500.000
7	TTYT huyện Lương Tài				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	10	14.850.000	148.500.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	20	14.950.000	299.000.000
8	TTYT huyện Quế Võ				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	15	14.850.000	222.750.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	3	14.950.000	44.850.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	10	5.680.000	56.800.000
9	BV Phôi				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	8	12.820.000	102.560.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	1	7.810.000	7.810.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	3	5.680.000	17.040.000
10	BV Sức khỏe tâm thần				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	20	12.820.000	256.400.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	10	7.810.000	78.100.000
11	BV Y học cổ truyền và PHCN				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	8	12.820.000	102.560.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	5	7.810.000	39.050.000
12	TTYT thành phố Bắc Ninh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	11	12.820.000	141.020.000
	Máy tính xách tay cấu hình B	Chiếc	8	12.850.000	102.800.000

	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	16	7.810.000	124.960.000
13	TTYT huyện Thuận Thành				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	20	12.820.000	256.400.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	45	5.680.000	255.600.000
14	TTYT thành phố Từ Sơn				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	20	12.820.000	256.400.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	5	14.950.000	74.750.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	10	7.810.000	78.100.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	10	5.680.000	56.800.000
III	Hội Văn học nghệ thuật				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
IV	Trung tâm xúc tiến đầu tư, TM&DL				
	Máy in cấu hình B	Chiếc	2	7.810.000	15.620.000
V	Sở Tài nguyên và Môi trường				
1	Văn phòng đăng ký đất đai				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	30	14.850.000	445.500.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	14	7.810.000	109.340.000
VI	Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
VII	Tỉnh đoàn BN				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
VIII	Sở Tài chính				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
IX	VP UBND tỉnh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	5	12.820.000	64.100.000
X	Trung tâm Tư vấn dịch vụ quản lý tài chính&TSC				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	3	14.850.000	44.550.000
XI	Sở Kế hoạch và đầu tư				
	Máy in cấu hình B	Chiếc	6	7.810.000	46.860.000
XII	Trung tâm hỗ trợ đầu tư và phát triển KCN				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	4	12.820.000	51.280.000
XIII	Sở Nội vụ				
1	VP Sở				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	3	12.820.000	38.460.000
2	Ban Tôn giáo				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	1	12.820.000	12.820.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	1	7.810.000	7.810.000
3	Trung tâm lưu trữ lịch sử				
	Máy tính xách tay cấu hình C	Chiếc	3	10.900.000	32.700.000
XIV	Viện nghiên cứu phát triển KTXH				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	2	12.820.000	25.640.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	1	7.810.000	7.810.000
XV	Công thông tin điện tử BN				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	3	12.820.000	38.460.000
XVI	Liên minh HTX tỉnh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	3	10.800.000	32.400.000

	Máy in cấu hình A	Chiếc	3	9.500.000	28.500.000
XVII	VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh				
	Máy in cấu hình C	Chiếc	7	5.680.000	39.760.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	2	14.850.000	29.700.000
XVIII	Sở Công thương				
1	Văn phòng sở				
	Máy photocopy cấu hình A	Chiếc	1	87.900.000	87.900.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	3	12.820.000	38.460.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	1	7.810.000	7.810.000
2	Trung tâm khuyến công và TVPTCN Bắc Ninh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	4	10.800.000	43.200.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	1	5.680.000	5.680.000
XIX	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật				
	Máy photocopy cấu hình A	Chiếc	1	87.900.000	87.900.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
XX	Sở Nông nghiệp và PTNT				
1	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường				
	Máy photocopy cấu hình B	Chiếc	1	71.700.000	71.700.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	3	12.820.000	38.460.000
2	Chi cục Kiểm Lâm				
	Máy photocopy cấu hình B	Chiếc	1	71.700.000	71.700.000
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	3	14.850.000	44.550.000
3	Văn phòng Sở				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	3	14.850.000	44.550.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	2	7.810.000	15.620.000
4	Chi cục Thủy lợi				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	6	14.850.000	89.100.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
5	Chi cục chăn nuôi thú ý và thủy sản				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	10	14.850.000	148.500.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	8	9.500.000	76.000.000
6	Ban quản lý dự án đầu tư XD các CTNN&PTNT				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	3	14.850.000	44.550.000
7	Trung tâm khuyến nông và PTNN CNC				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	1	12.820.000	12.820.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
8	Chi cục PTNT				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	3	12.820.000	38.460.000
9	Chi cục trồng trọt và BVTV				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	4	12.820.000	51.280.000
10	Ban Quản lý Rừng				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
XXI	Ban nội chính Tỉnh ủy				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	5	14.850.000	74.250.000

	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	8	9.500.000	76.000.000
XXII	Sở Tư pháp				-
1	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	2	9.500.000	19.000.000
2	Trung tâm trợ giúp pháp lý				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	2	10.800.000	21.600.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	2	14.950.000	29.900.000
XXIII	Hội liên hiệp thanh niên VN- Ủy ban BN				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
XXIV	Báo Bắc ninh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	6	14.850.000	89.100.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	6	5.680.000	34.080.000
XXV	Sở Lao động thương binh và xã hội				
1	Trung tâm dạy nghề- PHCN cho người tàn tật				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	1	14.850.000	14.850.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	1	9.500.000	9.500.000
2	Văn phòng Sở				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	10	12.820.000	128.200.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	3	14.950.000	44.850.000
	Máy in cấu hình B	Chiếc	5	7.810.000	39.050.000
3	Trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình C	Bộ	40	10.800.000	432.000.000
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	2	14.950.000	29.900.000
	Máy in cấu hình C	Chiếc	5	5.680.000	28.400.000
4	Trung tâm nuôi dưỡng người có công và BTXH				
	Máy tính xách tay cấu hình A	Chiếc	1	14.950.000	14.950.000
XXVI	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	3	14.850.000	44.550.000
XXVII	Trung tâm hành chính công tỉnh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình A	Bộ	15	14.850.000	222.750.000
	Máy in cấu hình A	Chiếc	9	9.500.000	85.500.000
XXVIII	Ban tiếp công dân tỉnh				
	Máy photocopy cấu hình B	Chiếc	1	71.700.000	71.700.000
XXIX	Hội NN&PTNT Tỉnh				
	Máy vi tính để bàn cấu hình B	Bộ	1	12.820.000	12.820.000
	Máy tính xách tay cấu hình B	Chiếc	1	12.850.000	12.850.000
	Tổng cộng				20.449.340.000

Bảng chữ: Hai mươi tỷ, bốn trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.



(Phụ lục 03 kèm theo Thỏa thuận khung số: 01/2022/TTK-TT ngày 04/11/2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA SẴM TÀI SẢN

Gói thầu số 01: “Mua sắm bộ máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy photocopy và máy in”

Số: .../ MSTT-BN

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-TT ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Tư vấn dịch vụ quản lý tài chính và tài sản công về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: “Mua sắm bộ máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy photocopy và máy in”.

Căn cứ Thỏa thuận khung số: 01/2022/TTK-TT Gói thầu số 01: “Mua sắm bộ máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy photocopy và máy in” ngày 04 tháng 11 năm 2022 giữa Trung tâm Tư vấn, dịch vụ quản lý tài chính và tài sản công và Nhà thầu liên danh QS-Full House.

Hôm nay, ngày tháng năm , tại, chúng tôi gồm có:

I. Nhà thầu cung cấp tài sản:

Nhà thầu liên danh QS- Full house: Công ty TNHH Thương mại và phát triển công nghệ QS Việt Nam – Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Full house Việt Nam

THÀNH VIÊN : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN
LIÊN DANH CÔNG NGHỆ QS VIỆT NAM

Đại diện : Ông Nguyễn Hữu Đạo Chức vụ: Giám đốc

Đăng ký kinh doanh : 0107244922 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 10/12/2015, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/12/2015 ;

Địa chỉ : Đội 9, thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP

Hà Nội
Điện thoại : 0243. 2247360
Mã số thuế : 0107244922
Số tài khoản : 01111 9868 3333 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Mỹ Đình
Mã ngân hàng : 01311014
THÀNH VIÊN : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN FULL
LIÊN DANH HOUSE VIỆT NAM
Đại diện : Ông Đỗ Trường Thọ Chức vụ: Giám đốc
Đăng ký kinh doanh : 0104570244 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 05/4/2010, thay đổi lần thứ 6 ngày 25/12/2020;
Địa chỉ : 21 Nguyễn Huy Trường, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 0243.5558343
Mã số thuế : 0104570244
Số tài khoản : 119601881888 tại Ngân hàng TPCM Công thương Việt Nam – CN Hoàng Mai.

II. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Bên mua sắm tài sản):

TÊN ĐƠN VỊ :
Đại diện : Chức vụ:
Địa chỉ :
Điện thoại :
Số tài khoản : tại
Mã số thuế :

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua sắm tài sản với các nội dung như sau:

Điều 1. Chung loại, số lượng tài sản

1. Chung loại tài sản mua sắm: Tên, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ, giá trị tài sản (Chi tiết tại phụ lục 01)
2. Số lượng tài sản mua sắm: Số lượng tài sản chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm.

Điều 2. Giá bán tài sản

- Giá bán tài sản tương ứng với từng loại tài sản tại Điều 1 nêu trên đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, bảo trì (Chi tiết tại phụ lục 01).
 - Giá bán tài sản không được vượt quá giá trúng thầu trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
 - Tổng giá trị Hợp đồng là: đồng./.
- (Bằng chữ: đồng ./.).

Điều 3. Loại hợp đồng và thời gian thực hiện:

1. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
2. Thời gian thực hiện: Từ ngày 15/11/2022 đến hết ngày 29/12/2022.

Điều 4. Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản
2. Thời hạn thanh toán: Các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản thanh toán toàn bộ giá trị của Hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với nhà thầu trúng thầu cung cấp tài sản (Nhà Thầu) trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đã được hai bên ký kết.

3. Tài khoản thanh toán:

Đơn vị thụ hưởng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ QS VIỆT NAM**

Đội 9, thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Tài khoản ngân hàng: 01111 9868 3333 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Mỹ Đình.

Mã ngân hàng: 01311014

Điều 5. Thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản

1. Thời gian giao, nhận tài sản: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
2. Địa điểm giao, nhận tài sản: Tại địa điểm của đơn vị sử dụng tài sản.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản:

a) Quyền và nghĩa vụ bảo hành, bảo trì tài sản.

- Có quyền từ chối bảo hành tài sản khi: hỏng do bị phá hoại, sử dụng không đúng quy cách, hỏng do điện áp nguồn không ổn định, hỏng do để lưu kho hay để nơi môi trường không đảm bảo, tài sản đã được can thiệp: tháo ráp, thay đổi, đổ mực không chính hãng, sửa chữa những bộ phận trong máy bởi đơn vị khác không phải Nhà thầu, lý do thiên tai, chiến tranh.

- Thời hạn bảo hành: (Chi tiết tại phụ lục 01) kể từ thời điểm ký biên bản nghiệm thu, bàn giao tài sản được ký giữa Nhà thầu với các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản; Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hoặc thanh toán các dịch vụ bảo hành, bảo trì bao gồm việc khắc phục sự cố tài sản do lỗi của nhà sản xuất trong thời gian bảo hành.

- Khi có sự cố, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản liên lạc bằng văn bản (Fax) hoặc qua điện thoại với nhà thầu cung cấp tài sản mô tả hiện tượng của sự cố để được hướng dẫn cách xử lý. Nhà thầu cam kết sẽ có mặt tại địa điểm của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để tiến hành sửa chữa chậm nhất là 48 giờ. Nếu không sửa chữa được thì phải khắc phục, thay thế bằng thiết bị hoặc linh kiện khác có tính năng tương đương, chất lượng bằng hoặc cao hơn trước mà không được yêu cầu thanh toán.
- Trường hợp quá thời hạn cam kết có mặt tại địa điểm của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để sửa chữa, khắc phục sự cố mà Nhà thầu vắng mặt hoặc Nhà thầu không sửa chữa, khắc phục được sự cố trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo có sự cố, các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có quyền đưa ra phương án giải quyết. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa, khắc phục giải quyết sự cố do Nhà thầu chi trả. Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở chứng từ thực tế phát sinh được các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản gửi đến Nhà thầu để thanh toán.
- Hết thời hạn bảo hành, Nhà thầu cung cấp tài sản cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế (nếu Bên mua sắm tài sản có nhu cầu).
- b) Quyền và nghĩa vụ đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản: Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản đầy đủ các tài liệu chỉ dẫn về hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng, bảo trì tài sản và đào tạo hướng dẫn sử dụng.
- c) Quyền và nghĩa vụ khác.
 - Có trách nhiệm cung cấp tài sản cho Bên mua sắm tài sản đảm bảo mới 100%, đúng tên, chủng loại, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ và số lượng đã cam kết tại Điều 1 (chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm).
 - Khảo sát địa điểm, đóng gói, vận chuyển, bàn giao tài sản cho Bên mua sắm tài sản theo đúng yêu cầu và thời gian đã cam kết tại Điều 4.
 - Cùng Bên mua sắm tài sản kiểm tra tài sản, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ khi tiếp nhận, bàn giao tài sản.
 - Mọi hư hỏng, mất mát trong quá trình vận chuyển hàng hoá do Bên nhà thầu cung cấp tài sản chịu trách nhiệm.
 - Có trách nhiệm cung cấp hóa đơn tài chính và hoàn tất các thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ các cam kết và nội dung khác đã ghi trong Hồ sơ dự thầu và Thỏa thuận khung mua sắm tập trung.

2. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

a) Quyền của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản

- Có quyền từ chối tiếp nhận tài sản do Bên nhà thầu cung cấp tài sản bàn giao nếu không đúng tên, chủng loại, xuất xứ hoặc tài sản không đảm bảo về chất lượng cam kết.

- Có quyền yêu cầu Nhà thầu cung cấp tài sản khắc phục, sửa lỗi, bảo hành tài sản nếu có hỏng hóc hoặc lỗi kỹ thuật trong thời gian bảo hành tại nơi sử dụng.

- Có quyền thuê Nhà thầu cung cấp tài sản cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong quá trình sử dụng (nếu có).

b) Nghĩa vụ của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản

- Ký hợp đồng mua sắm tài sản với Nhà thầu cung cấp tài sản trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực (hoặc 15 ngày làm việc đối với Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung).

- Bố trí cán bộ, phối hợp cùng đại diện Nhà thầu cung cấp tài sản kiểm tra, tiếp nhận và ký kết Biên bản nghiệm thu, bàn giao tài sản và các hồ sơ, tài liệu liên quan kèm theo.

- Phối hợp cùng với Nhà thầu cung cấp tài sản lập hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán, thanh lý hợp đồng theo đúng quy định hiện hành.

- Thanh toán cho Nhà thầu theo quy định tại Điều 2, Điều 3 của hợp đồng này sau khi ký Biên bản nghiệm thu, thanh lý và Nhà thầu cung cấp Hóa đơn tài chính.

Điều 7. Chế độ xử phạt do vi phạm hợp đồng.

- Bên vi phạm hợp đồng phải chịu phạt và bồi thường thiệt hại cho bên kia do sự vi phạm hợp đồng gây ra.

- Nếu Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Bên mua sắm tài sản) không bố trí cán bộ, địa điểm nhận hàng, không thanh toán đúng hạn theo tiến độ tại điều 3 của Hợp đồng thì sẽ chịu phạt 0,05% phần giá trị Hợp đồng vi phạm cho mỗi ngày chậm thanh toán, quá 07 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán Nhà thầu cung cấp tài sản có quyền thu hồi hàng hóa đã giao cho bên mua sắm tài sản và bên mua sắm tài sản phải chịu phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng.

- Nếu nhà thầu cung cấp tài sản giao hàng không đúng hạn theo tiến độ tại Điều 4 của Hợp đồng thì sẽ chịu phạt 0,05% phần giá trị vi phạm cho mỗi ngày chậm bàn giao hàng hóa.

- Nếu bên nào đơn phương huỷ Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận bằng văn bản thì phải chịu phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng.

Điều 8. Điều khoản chung

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng theo Hợp đồng đã ký kết. Mọi thay đổi phát sinh trong thời gian thực hiện Hợp đồng phải được thống nhất bằng văn bản và có xác nhận của hai bên, chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo đôi bên cùng có lợi, nếu không giải quyết được thông qua thương lượng, hòa giải, hai bên sẽ đưa ra Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng và bắt buộc thi hành đối với cả hai bên. Án phí do bên vi phạm chịu.

- Hợp đồng này được làm thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau; cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp mua sắm tài sản, nhà thầu cung cấp tài sản (mỗi bên giữ 02 bản); gửi 01 bản cho đơn vị mua sắm tập trung./.

ĐẠI DIỆN
NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN
CÔNG TY TNHH **CÔNG TY CPĐT&PT**
TM&PTCN QS VIỆT NAM **FULL HOUSE VIỆT NAM**
GIÁM ĐỐC **GIÁM ĐỐC**

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ MUA SẮM TÀI SẢN

Nguyễn Hữu Đạo

Đỗ Trường Thọ

PHỤ LỤC 01

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền